

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhận

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: bà T và ông Trần Văn C chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2017, tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Ông bà có 01 con chung là em Nguyễn Văn Th, sinh năm 2001. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông C không lo làm ra kinh tế để chăm lo gia đình mà ông C xuyên chơi cờ, gây ra nợ nần. Mặc dù được bà T và gia đình khuyên nhưng ông C không thay đổi. Giữa ông C và bà T đã sống ly thân được 05 tháng. Do đó, bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông C không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Về con chung, em Th đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt ông Nguyễn Văn Cường trình bày: Cuộc hôn nhân giữa ông C và bà T xây dựng trên tinh thần tự nguyện và đời sống vợ chồng đem lại nhiều hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây thì cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông thiếu trách nhiệm lo cho gia đình. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với ông, thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Em Thịnh đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông C. Về con chung em Thịnh đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung do bà Thơ, ông C xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà T và ông C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/5/2017 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C nên đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”, ông C hiện đang cư trú tại Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Cả nguyên đơn bà T và bị đơn ông C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông C không lo làm ra kinh tế để chăm lo gia đình mà ông C xuyên chơi cờ, gây ra nợ nần. Mặc dù được bà T và gia đình khuyên nhưng ông C không thay đổi. Giữa ông C và bà T đã sống ly thân được 05 tháng. Do đó, bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông C không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã hòa giải để bà T và ông C đoàn tụ nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn ông C cũng đồng ý ly hôn với bà T do nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng bà T cương quyết xin ly hôn. Mặc khác giữa bà T và ông C cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của ông bà.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà T và ông C có 01 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh năm 2001. Do con chung đã trưởng thành nên bà T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông C xác định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: 01 người con chung em Nguyễn Văn Th, sinh năm 2001, con chung đã trưởng thành bà T và ông C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông C thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị T phải chịu. Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0008062, ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy